| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 765/2018/HN-ST
Ngày: 13-6-2018
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Giang.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Lê Thị Nhung;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc: "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2354/2018/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mộng T** – sinh năm 1982 (xin vắng mặt).
Địa chỉ thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Địa chỉ liên lạc: 183B6 đường T, P B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A)** – sinh năm 1980 (vắng mặt).
Quốc tịch: Pháp.
Địa chỉ: 8 RC S 69003 Lyon, France.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2017 và bản tự khai ngày 05/7/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:***

Bà và ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) quen biết nhau và sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01 ngày 24/3/2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Sau khi kết hôn, bà sang Pháp ở chung với ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) một thời gian. Trong quá trình sống chung giữa hai người thường xảy ra tranh cãi. không tìm

được tiếng nói chung do bất đồng quan điểm sống và khác biệt về văn hóa giữa hai quốc gia. Đã nhiều lần bà tìm cách hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến năm 2016, thấy không thể tiếp tục chung sống được với ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) bà trở về Việt Nam tự lập rồi từ thời điểm đó cho đến nay ông bà không còn liên lạc gì với nhau. Nay, nhận thấy thời gian xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A).

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A):*** Trong quá trình giải quyết vụ án, thông qua thủ tục ủy thác tư pháp Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án đến cơ quan có thẩm quyền của Pháp, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời yêu cầu ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Nguyễn Thị Mộng T khởi kiện xin ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 281/UTTPDS-TA30 ngày 03/8/2017). Đến từng giai đoạn như đã thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được ý kiến bằng văn bản của bị đơn ở nước ngoài gửi về; Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 4 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự và có công văn gửi Bộ Tư pháp thực hiện tiếp việc tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) (Công văn số 1068/TATP-TLĐ ngày 12/3/2018) nhưng vẫn không có kết quả. Để đảm bảo việc xét xử sơ thẩm vụ án theo đúng hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu***: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Ở thời điểm hiện tại do cách biệt về khoảng cách địa lý vợ chồng không chung sống bên nhau và không còn liên lạc, trao đổi gì với nhau từ hơn hai năm nay cho thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt khó còn khả năng đoàn tụ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho bà Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cùng lời trình bày của đương sự tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về giải quyết ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) có quốc tịch Pháp, hiện đang định cư tại Cộng hòa Pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến hạn định sau cùng Tòa án vẫn không nhận được ý kiến phản hồi của ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) và không có đơn xin giải quyết vắng mặt. Xét, yêu cầu của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản tự khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn cùng giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90, quyển số 01 ngày 24/3/2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mộng T với ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Mộng T thì sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với nhau một khoảng thời gian ngắn tại Pháp rồi một mình bà trở về Việt Nam tự lập. Thời gian tìm hiểu để tiến tới hôn nhân không nhiều, thêm vào đó bất đồng về quan điểm, lối sống trong sinh hoạt cùng khác biệt về văn hóa giữa hai quốc gia là tác nhân dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Đến nay đã hơn hai năm vợ chồng không còn trao đổi, liên lạc với nhau qua thư từ, điện thoại hoặc tin nhắn điều này cho thấy sự yêu thương gắn kết giữa người vợ và người chồng không còn; khó có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Đối với bị đơn ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) hiện đang định cư tại Pháp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định yêu cầu ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án về trường hợp xin ly hôn của nguyên đơn nhưng ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) không có ý kiến phản hồi, không rõ lý do.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mộng T với ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) đã có biểu hiện của sự đổ vỡ, vợ chồng không còn quan tâm, tôn trọng lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình

hòa thuận, hạnh phúc. Vì vậy, xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Nguyễn Thị Mộng T được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A) như phát biểu đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; đồng thời bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về lời khai của mình khi Tòa án giải quyết vụ án này.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mộng T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mộng T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 123 và Điều 127, khoản 2 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với ông Hoàng Tuấn A (Hoang, Tuan A).

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90, quyển số 01 ngày 24/3/2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Trinh đã nộp theo biên lai số AA/2016/0034230 ngày 18/5/2017 của Cục Thi

hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Mộng T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TANDTC (1)
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND Tp.HCM (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Giang**